

Số: **1383/2026/QĐST-HNGĐ**

Đồng Nai, ngày 25 tháng 8 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1860/2026/TLST-VHNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2026 về việc yêu cầu “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Trần Ngọc Huỳnh M, sinh năm 1993; CCCD số: 075193010674 do Bộ C cấp ngày 04/7/2024; thường trú: 9A/90, khu phố A, phường L, thành phố Đ; địa chỉ liên hệ: Hẻm B, tổ A, khu phố D, phường T, thành phố Đ.

2. Ông Mai Anh T, sinh năm 1989; CCCD số 075089012337 do Cục Trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 21/9/2022; thường trú: 9A/90, khu phố A, phường L, thành phố Đ; địa chỉ liên hệ: A N, khu phố E, phường T, thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc M1 và ông Mai Anh T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, thành phố Đ) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 244/2014 quyển số 01/2014 ngày 29/10/2014.

Nay bà Trần Thị Ngọc M1 và ông Mai Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông, bà cùng làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Các đương sự đều xác nhận có 2 con chung là cháu Mai Đức P, sinh ngày 01/3/2015 và cháu Mai Anh K, sinh ngày 05/9/2021. Ly hôn, bà M1 và ông T thống nhất giao các con chung cho bà M1 trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000đ/tháng/02con (mỗi con 5.000.000đ/tháng) cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà M1, ông T phải chịu 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Ngọc Huỳnh M và ông Mai Anh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao các con chung là cháu Mai Đức P, sinh ngày 01/3/2015 và cháu Mai Anh K, sinh ngày 05/9/2021 cho bà Trần Ngọc Huỳnh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Ông Mai Anh T cấp dưỡng nuôi con chung 10.000.000đ (mười triệu đồng/tháng/02 cháu (mỗi con 5.000.000đ (năm triệu đồng/tháng) kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Mai Anh T không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con không ai cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Ngọc Huỳnh M và ông Mai Anh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002258 ngày 03/8/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đ. Bà M, ông T đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai (2);
- Phòng THADS khu vực 1 - Đồng Nai (1);
- THADS TP. Đồng Nai (1)
- TAND TP. Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- Cơ quan quản lý đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự (1).

THẨM PHÁN

Lê Thị Nguyệt